

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ
Dai-ichi Life Việt Nam**

Báo cáo tài chính

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho giai đoạn
từ ngày 1 tháng 7 năm 2014
đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 21

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Quyết định số 53/GP-UBCK ngày 10 tháng 2 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty bắt đầu hoạt động từ ngày 1 tháng 7 năm 2014.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam ("DLVN"), là một Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 và Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Takashi Fujii.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Trần Châu Danh, được bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2014.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Takashi Fujii, Chủ tịch ông ty.

Vào ngày 1 tháng 7 năm 2014, Chủ tịch Công ty ban hành Công văn số 20/CM/DFVN14, theo đó, ông Trần Châu Danh, Tổng Giám đốc được chỉ định báo cáo các vấn đề thường xuyên theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61147610/17281253

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 16 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 21, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

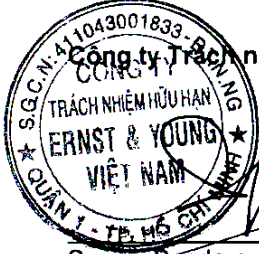
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Saman Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2036-2013-004-1

Võ Ngọc Thúy An
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2222-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2014

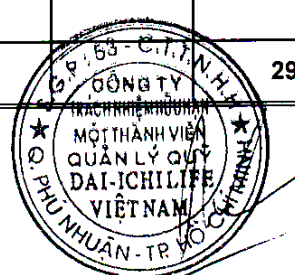
B01-CTQ

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		16.292.025.916
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	454.521.776
111	1. Tiền		454.521.776
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		12.300.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn khác	6	12.300.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.537.504.140
134	1. Phải thu từ Công ty mẹ	7	2.823.558.308
135	2. Phải thu khác	8	713.945.832
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		13.281.959.540
240	I. Các khoản đầu tư dài hạn		13.000.000.000
241	1. Đầu tư dài hạn khác	9	13.000.000.000
260	II. Tài sản dài hạn khác		281.959.540
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	253.524.366
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17.2	28.435.174
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		29.573.985.456
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.954.998.699
310	I. Nợ ngắn hạn		1.954.998.699
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	746.327.940
316	2. Chi phí phải trả	12	1.126.601.868
319	3. Các khoản phải trả, phải nộp khác		82.068.891
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		27.618.986.757
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13	25.000.000.000
420	2. Lợi nhuận chưa phân phối		2.359.931.599
421	3. Quỹ dự phòng tài chính		129.527.579
422	4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		129.527.579
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		29.573.985.456

luc

D



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Người lập

Ông Daiju Sasaki
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ

Ông Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

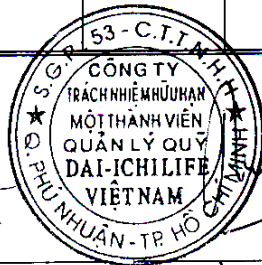
B02-CTQ

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014
01	1. Doanh thu	14	8.312.494.299
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		8.312.494.299
21	3. Doanh thu hoạt động tài chính	15	1.097.002.833
25	4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16	(6.109.736.207)
30	5. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh		3.299.760.925
50	6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.299.760.925
51	7. Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.1	(709.209.342)
52	8. Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	17.2	28.435.174
60	9. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.618.986.757

Handwritten signature

Handwritten signature



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Người lập

Ông Daiju Sasaki
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ

Ông Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

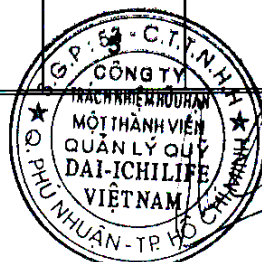
B03-CTQ

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
	Lợi nhuận trước thuế		3.299.760.925
	<i>Điều chỉnh:</i>		
01	1. Doanh thu từ lãi tiền gửi	15	(1.097.002.833)
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động		2.428.117.066
06	1. Tăng các khoản phải thu		(2.823.558.308)
07	2. Tăng các khoản phải trả		1.245.789.357
08	3. Chi phí chờ phân bổ		(253.524.366)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		371.464.775
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	1. Tiền gửi ngân hàng		(25.300.000.000)
22	2. Lãi tiền gửi thu được		383.057.001
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động đầu tư		(24.916.942.999)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	13	25.000.000.000
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		25.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		454.521.776
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		454.521.776

luc

[Signature]



Bà Nguyễn Thị Thủy Linh
Người lập

Ông Daiju Sasaki
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ

Ông Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

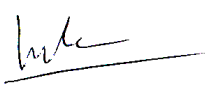
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

B05-CTQ

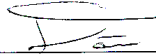
VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ	Số tăng/giảm trong kỳ		Số dư cuối kỳ
			Tăng	Giảm	
1. Vốn đầu tư chủ sở hữu	13	-	25.000.000.000	-	25.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối		-	2.618.986.757	(259.055.158)	2.359.931.599
3. Quỹ dự phòng tài chính		-	129.527.579	-	129.527.579
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		-	129.527.579	-	129.527.579
TỔNG CỘNG		-	27.878.041.915	(259.055.158)	27.618.986.757

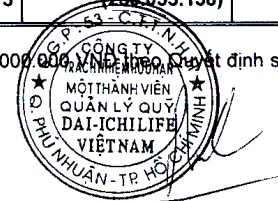
Trong kỳ, chủ sở hữu duy nhất là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam đã góp vốn 25.000.000.000 VND theo Quyết định số 53/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán cấp ngày 10 tháng 2 năm 2014.



Bà Nguyễn Thị Thủy Linh
Người lập



Ông Daiju Sasaki
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ



Ông Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTQ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Quyết định số 53/GP-UBCK ngày 10 tháng 2 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam ("DLVN"), là một Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 và Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, và danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 8 người.

2. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng năm 2014. Các năm tài chính tiếp theo của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5).

3. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

3.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.3 Cơ sở hoạt động liên tục

Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty và nhận thấy Công ty có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Tổng Giám đốc không nhận thấy có sự không chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

3.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

4.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.6 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

4.7 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Lợi ích của nhân viên

Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 1 năm 2009 hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.9 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTQ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VNĐ

Ngày 31 tháng 12
năm 2014

Tiền gửi thanh toán

- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	335.968.423
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	83.591.739
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	34.961.614
	<hr/>
	454.521.776

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN KHÁC

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng có kỳ hạn từ 98 ngày đến 182 ngày và lãi suất từ 5,5%/năm đến 6,0%/năm.

7. PHẢI THU TỪ CÔNG TY MẸ

Các khoản phải thu từ Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam sau khi trừ công nợ phải thu hoạt động nghiệp vụ, phải trả hoạt động nghiệp vụ và các khoản phải trả khác (*Thuyết minh số 18*).

8. PHẢI THU KHÁC

Phải thu khác bao gồm lãi phải thu từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm tiền gửi dài hạn ở ngân hàng thương mại với kỳ hạn 396 ngày và lãi suất 7,0%/năm.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

VNĐ

Cho giai đoạn từ ngày
1 tháng 7 năm 2014
đến ngày
31 tháng 12 năm 2014

Số dư đầu kỳ	-
Tăng trong kỳ	478.883.340
Phân bổ trong kỳ	(225.358.974)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	253.524.366

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTQ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ
	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Thuế thu nhập doanh nghiệp	709.209.342
Thuế thu nhập cá nhân	37.118.598
	<u>746.327.940</u>

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ
	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Chi phí thưởng cho nhân viên	984.426.000
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	141.000.000
Chi phí phải trả khác	1.175.868
	<u>1.126.601.868</u>

13. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Theo Quyết định số 53/GP-UBCK	Tỷ lệ sở hữu (%)	VNĐ Vốn pháp định đã góp
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam	<u>25.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>25.000.000.000</u>

14. DOANH THU

	VNĐ
	Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phí quản lý quỹ từ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (Thuyết minh số 18)	<u>8.312.494.299</u>

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu từ hoạt động tài chính là khoản tiền lãi từ tiền gửi tại các ngân hàng.

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTQ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ
	<i>Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Lương và các chi phí theo lương	3.167.921.467
Chi phí trước hoạt động	1.561.600.072
Chi phí dịch vụ mua, thuê ngoài	639.579.937
Vật liệu, văn phòng phẩm	225.750.948
Chi phí công tác	205.717.240
Chi phí bảo hiểm bắt buộc	137.828.500
Chi phí tiếp khách	66.699.956
Chi phí công cụ, dụng cụ	44.723.185
Thuế và phí khác	32.300.000
Chi phí tuyển dụng và đào tạo	10.969.162
Chi phí khác	16.645.740
	<hr/> 6.109.736.207 <hr/>

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014. Do Công ty mới thành lập trong năm 2014 và có doanh thu bình quân các tháng dưới 1,67 tỷ VNĐ, mức thuế suất TNDN áp dụng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 20% lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN bao gồm:

	VNĐ
	<i>Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	709.209.342
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	(28.435.174)
	<hr/> 680.774.168 <hr/>

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTQ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

17.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

	VNĐ
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Lợi nhuận trước thuế	3.299.760.925
<i>Điều chỉnh:</i>	
Chi phí trích trước	142.175.868
Chi phí không được khấu trừ	104.109.918
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	3.546.046.711
Chi phí thuế thu nhập ước tính	709.209.342
Chi phí thuế thu nhập đã trả trong năm	-
Chi phí thuế thu nhập phải trả vào cuối kỳ	709.209.342

17.2 Lợi ích thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại như sau:

		VNĐ
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	<i>Ảnh hưởng lên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>
Chi phí trích trước	28.435.174	28.435.174
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại		(28.435.174)

18. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

			VNĐ
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam	Công ty mẹ	Phí quản lý quỹ	8.312.494.299
		Chi phí trước hoạt động	1.561.600.072

Giá trị khoản phải thu và khoản phải trả đối với bên liên quan tại ngày lập báo cáo như sau:

			VNĐ
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu</i>
Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý quỹ	2.823.558.308

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTQ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

19. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ
	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
	<i>năm 2014</i>
Dưới 1 năm	408.000.000
Từ 1 đến 5 năm	748.000.000
	<hr/> 1.156.000.000 <hr/>

20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

20.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến trạng thái tài chính và kết quả hoạt động của Công ty. Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Việc phân lớn các tài sản tài chính của Công ty là bằng đồng Việt Nam đã giúp giảm thiểu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ.

20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

20.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

và cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

B09-CTQ

20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20.3 *Rủi ro thanh khoản* (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	VND					
	Không thời hạn	Dưới 3 tháng	Từ 3 tháng đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2014						
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	454.521.776	-	-	-	-	454.521.776
Đầu tư ngắn hạn khác	-	10.300.000.000	2.000.000.000	-	-	12.300.000.000
Phải thu từ Công ty mẹ	2.823.558.308	-	-	-	-	2.823.558.308
Phải thu khác	-	309.445.833	404.499.999	-	-	713.945.832
Đầu tư dài hạn khác	-	-	13.000.000.000	-	-	13.000.000.000
	3.278.080.084	10.609.445.833	15.404.499.999	-	-	29.292.025.916
Nợ phải trả tài chính						
Chi phí phải trả	1.126.601.868	-	-	-	-	1.126.601.868
Các khoản phải trả, phải nộp khác	82.068.891	-	-	-	-	82.068.891
	1.208.670.759	-	-	-	-	1.208.670.759

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTQ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

và cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

21. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
VNĐ		
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	454.521.776	454.521.776
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.300.000.000	12.300.000.000
Phải thu từ công ty mẹ	2.823.558.308	2.823.558.308
Phải thu khác	713.945.832	713.945.832
Đầu tư tài chính dài hạn	13.000.000.000	13.000.000.000
TỔNG CỘNG	29.292.025.916	29.292.025.916
Nợ phải trả tài chính		
Chi phí phải trả	1.126.601.868	1.126.601.868
Các khoản phải trả khác	82.068.891	82.068.891
TỔNG CỘNG	1.208.670.759	1.208.670.759

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư, phải thu từ công ty mẹ, phải thu khác, khoản phải trả khác và chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

22. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

Bà Nguyễn Thị Thuý Linh
Người lập

Ông Daiju Sasaki
Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ



Ông Trần Châu Danh
Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2015